TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 133/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-11-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Trần Minh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Nam Tuấn

Bà Đỗ Thị Thanh Tú

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Vũ Thị Hương Ngân - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 157/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1505/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 2642/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2018 và Thông báo về thời gian mở phiên tòa số 3336/TB-TA ngày 30-10-2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Thu A, sinh năm 1992; nơi cư trú: Xóm 3, thôn B, xã C, huyện D, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh E, sinh năm 1979; nơi cư trú: Trung Quốc; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn nộp ngày 20-10-2017 và các văn bản khác, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thu A trình bày: Chị A và anh E kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 29-10-2010. Đến tháng 10-2010 chị A về chung sống cùng anh E tại Trung Quốc. Quá trình chung sống, quan hệ vợ chồng hòa thuận cho đến năm 2013 thì phát sinh nhiều mâu thuẫn nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, tuổi tác chênh lệch nên không hiểu nhau. Bản thân chị A đã cố

gắng khắc phục nhưng không có kết quả nên đến tháng 5-2016 chị A đã về Việt Nam và không còn ý định quay trở lại Trung Quốc để vợ chồng đoàn tụ. Nay nhận thấy tình cảm với anh E không còn, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống chung vợ chồng nên chị A có yêu cầu được ly hôn với anh E.

Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A trình bày quá trình vợ chồng chung sống không có con chung và tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chị A giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn và trình bày: Do vợ chồng có mâu thuẫn nên chị A đã về Việt Nam và không còn ý định quay trở lại Trung Quốc để chung sống cùng anh E. Kể từ khi trở về Việt Nam cho đến nay anh E cũng không liên lạc gì với chị A, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị A được ly hôn với anh E; về con chung và tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh E vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án tiến hành ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến*:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 127 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A; về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Quan hệ tranh chấp của vụ án về việc ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37 và điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Anh E vắng mặt tại phiên tòa không rõ lý do. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp cho cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài để tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông báo việc Tòa án đang giải quyết việc xin ly hôn giữa chị A và anh E; đề nghị anh E cho biết quan điểm đối với yêu cầu xin ly hôn của chị A. Ngày 13/3/2018, Tòa án nhận được văn bản số 127/CH-BTP ngày 12/01/2018 của Bộ Tư pháp thông báo về việc đã chuyển hồ sơ ủy thác tư pháp của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng cho Bộ Tư pháp Cộng hòa nhân dân Trung Hoa để thực hiện việc ủy thác và gửi lại kết quả cho Bộ Tư pháp. Tuy nhiên, cho đến thời điểm mở phiên tòa lần thứ nhất ngày 27/7/2018, Tòa án vẫn chưa nhận được kết quả ủy thác. Ngay sau khi hoãn phiên tòa, cùng ngày, Tòa án đã có văn bản số 2647/TA-TDS đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tống đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài; thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhân dân tối cao ngày 07/8/2018 cho anh E biết về thời gian mở phiên họp, phiên tòa. Cho đến nay đã hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày có văn bản gửi Bộ Tư pháp nhưng Tòa án vẫn không nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền về kết quả thực hiện việc tống đạt cho anh anh E. Do vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh E theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về yêu cầu của nguyên đơn:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh E và chị Nguyễn Thị Thu A kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ngày 29/10/2010 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh E và chị A chỉ hòa thuận trong khoảng 02 năm đầu thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là tuổi tác chênh lệch, quan điểm sống bất đồng và không hiểu nhau. Do mâu thuẫn không thể khắc phục nên tháng 5/2016 chị A đã về Việt Nam. Mặc dù đã được bố mẹ khuyên răn, nhưng chị A không có ý định sang Trung Quốc để vợ chồng đoàn tụ. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của chị A phù hợp với tình trạng thực tế mối quan hệ giữa hai bên, phù hợp với tình trạng thực tế gia đình và phù hợp với quy định tại Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận.

[4] Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị A xác nhận quá trình chung sống không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

- Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

[5] Chị A phải chịu án phí ly hôn và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định pháp luật - Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 146, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Thu A được ly hôn với anh E.

2. Về quan hệ nuôi con chung và quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Thu A xác nhận không có con chung và tài sản chung, không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

Chị Nguyễn Thị Thu A phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí , lệ phí Toà án số 3978 ngày 25/10/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thị Thu A phải chịu tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài là 200.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 10555 ngày 14/12/2017 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng . Chị Nguyễn Thị Thu A đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, chị Nguyễn Thị Thu A có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày tuyên án, anh E có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:
- Đương sự (để thi hành);
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND TP Hải Phòng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Minh Phương